

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 2-DỰ ÁN 6, TIỂU DỰ ÁN 1 VÀ TIỂU DỰ ÁN 2-DỰ ÁN 7,
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

ĐƠN VỊ: PHÒNG KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số: 589/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Ba Tô)

ĐVT: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán tại Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Trong đó		Dự toán được phê duyệt	Trong đó		Ghi chú
			NSTW	NSTĐP		NSTW	NSĐP	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>				
1	Tiểu dự án 2- Dự án 6	41.000.000	36.000.000	5.000.000	40.800.000	35.824.000	4.976.000	Chi tiết theo Phụ lục số 01
2	Dự án 7	142.000.000	124.000.000	18.000.000	142.000.000	124.000.000	18.000.000	
	- Tiểu dự án 1	97.000.000	84.000.000	13.000.000	97.000.000	84.000.000	13.000.000	Chi tiết theo Phụ lục số 02
	- Tiểu dự án 2	45.000.000	40.000.000	5.000.000	45.000.000	40.000.000	5.000.000	Chi tiết theo Phụ lục số 03
Tổng cộng		183.000.000	160.000.000	23.000.000	182.800.000	159.824.000	22.976.000	

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 6 NĂM 2025
HUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 202
ĐƠN VỊ : PHÒNG KINH TẾ XÃ BA TÔ

(Kèm theo Quyết định số: 589/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Ba Tô)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	40.800.000	
1	Làm Pano tuyên truyền 2 mặt: chất liệu bằng khung sắt hộp vuông, mặt áp tôn dán decan kẹp V nhôm, bảng 1 mặt, kích thước 3x4(m), chân trụ sắt hộp V3, 30x30sm cao 4m. (3 cái x 13.000.000 đồng)	40.800.000	

Tổng kinh phí	40.800.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
<i>Ngân sách trung ương:</i>	<i>35.824.000 đồng</i>
<i>Ngân sách địa phương</i>	<i>4.976.000 đồng</i>

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 7 NĂM 2025**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025***(Kèm theo Quyết định số: 589/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Ba Tô)***ĐVT: đồng**

TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
A	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	97.000.000	
	TỔNG CỘNG	97.000.000	
III	Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác giảm nghèo	97.000.000	
1	Dự kiến đi ngoài tỉnh 03 ngày, 34 người (10 người hưởng lương; 24 người không hưởng lương tại 14 thôn)		
2	- Tiền phụ cấp lưu trú người hưởng lương (dùng để chi tiền ăn) (10 người x 3 ngày x 250.000đ)	7.500.000	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND
3	- Tiền khoán thuê phòng nghỉ (10 người x 3 ngày x 400.000đ)	12.000.000	
4	- Hỗ trợ tiền phụ cấp lưu trú cho người không hưởng lương (dùng để chi tiền ăn) (24 người x 3 ngày x 250.000đ)	18.000.000	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND
5	- Hỗ trợ khoán tiền thuê phòng nghỉ cho đối tượng không hưởng lương (24 người x 2 ngày x 4000.000đ)	28.800.000	
6	- Chi mua nước uống: 34 người * 40.000 đ * 3 ngày	2.346.000	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND
7	- Chi in băng rôn treo xe (1 cái * 500.000 đồng / cái)	500.000	
8	- Tiền thuê xe 1 chiếc 45 chỗ ngồi (3 ngày x 9.000.000đ)	27.000.000	Tạm tính, thanh toán theo thực tế
9	- Thuốc y tế (thuốc say xe, đau bụng, đau đầu)	854.000	

Tổng kinh phí**97.000.000***Trong đó:**Ngân sách trung ương:**84.000.000**Ngân sách địa phương**13.000.000*

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 2 - DỰ ÁN 7 NĂM 2025
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: 589/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND xã Ba Tô)

ĐVT: đồng			
TT	Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
A	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	45.000.000	
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI	45.000.000	
I	Công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo	45.000.000	
1	Photo Phiếu A, B	2.540.000	Tạm tính, thanh toán theo thực tế
	- Phiếu A, phiếu B (Mẫu 3.2, phiếu B2) A4 1 mặt (100 phiếu A; 800 phiếu B2 x 600 đồng)	540.000	
	- Phiếu thông tin (Mẫu 3.1, Phiếu B1) A4 2 mặt (800 phiếu x 800 đồng)	640.000	
	- Phiếu B (Mẫu 3.7, Phiếu B1) A3 2 mặt (800 phiếu x 1.700 đồng)	1.360.000	
2	Hỗ trợ điều tra viên Phiếu B (bình quân thời gian rà soát 1 hộ là 60 phút, mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng / tháng, 1 ngày làm 8 giờ, 1 tháng 22 ngày)	22.785.000	Khoản 5, Điều 3, Thông tư 109/2016/TT-BTC; Nghị định 74/2024/NĐ-CP
	- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức hưởng lương (775 phiếu x 19.600 * 50% đ / phiếu)	7.595.000	
	- Hỗ trợ cho người không hưởng lương (775 phiếu x19.600 / phiếu)	15.190.000	
3	Hỗ trợ tổng hợp báo cáo, lập danh sách: 14 người * 200.000 đ / người	2.800.000	Điểm b, Khoản 1, Điều 3, Thông tư 109/2016/TT-BTC
4	Chi đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra: 4% * (2)	911.000	Điểm a, Khoản 9, Điều 3, Thông tư 109/2016/TT-BTC
5	Chi kiểm tra, nghiệm thu phiếu: 3% * (2)	684.000	
6	Chi văn phòng phẩm	6.000.000	Tạm tính, thanh toán theo thực tế
7	Tập huấn	9.280.000	
	Chi tập huấn rà soát hộ nghèo, cận nghèo		
	- Tiền thuê báo cáo viên cấp xã: 600.000 đ/ngày * 1 ngày	600.000	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND
	- Photo tài liệu (56 tập x 27.500đ)	1.540.000	
	- Nước uống (56 người x 40.000đ)	2.240.000	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND
	- Tiền ăn đại biểu không hưởng lương (49 người x 100.000đ)	4.900.000	

Tổng kinh phí	45.000.000
Trong đó:	
Ngân sách trung ương:	40.000.000
Ngân sách địa phương	5.000.000